



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 15 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Nguyễn Minh Khoa
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Chu

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực – điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 5 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 12 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 29 tháng 5 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00213-19-2



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.079.401.340.597	10.799.699.101.991
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	370.385.702.520	492.079.830.667
Tiền	111		342.742.180.645	459.271.022.774
Các khoản tương đương tiền	112		27.643.521.875	32.808.807.893
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		520.387.032	270.387.032
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	520.387.032	270.387.032
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.760.819.636.313	2.118.733.369.445
Phải thu của khách hàng	131	11	1.387.627.260.543	1.650.639.947.525
Trả trước cho người bán	132	12	145.998.071.387	296.532.254.907
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.660.295.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	234.799.170.162	175.861.343.972
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.604.865.779)	(7.960.472.859)
Hàng tồn kho	140	14	4.527.198.003.003	6.606.994.466.635
Hàng tồn kho	141		4.557.901.161.389	6.647.686.173.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.703.158.386)	(40.691.706.865)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.420.477.611.729	1.581.621.048.212
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	109.022.789.306	97.836.059.166
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.289.955.982.773	1.453.616.036.730
Thuế phải thu Nhà nước	153	23(b)	21.498.839.650	30.168.952.316

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.286.027.606.130	10.455.122.959.627
Các khoản phải thu dài hạn	210		160.328.954.728	202.370.220.436
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	160.328.954.728	202.370.220.436
Tài sản cố định	220		7.822.929.605.338	8.124.639.435.592
Tài sản cố định hữu hình	221	15	7.465.745.232.002	7.671.670.211.535
Nguyên giá	222		11.908.964.655.165	11.563.782.152.097
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.443.219.423.163)	(3.892.111.940.562)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	110.372.724.878	140.153.363.491
Nguyên giá	225		164.081.312.205	236.206.835.834
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(53.708.587.327)	(96.053.472.343)
Tài sản cố định vô hình	227	17	246.811.648.458	312.815.860.566
Nguyên giá	228		294.601.902.380	355.069.152.380
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.790.253.922)	(42.253.291.814)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.797.272.399.195	1.512.774.341.255
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	1.797.272.399.195	1.512.774.341.255
Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.000.000.000	98.957.678.001
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	-	36.357.678.001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	16.000.000.000	62.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		489.496.646.869	516.381.284.343
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	431.089.482.050	475.698.024.116
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	54.027.812.934	40.683.260.227
Lợi thế thương mại	269	21	4.379.351.885	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.365.428.946.727	21.254.822.061.618

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.139.161.978.796	16.103.196.342.693
Nợ ngắn hạn	310		9.877.075.281.656	12.637.507.361.815
Phải trả người bán	311	22	1.340.963.570.524	1.066.621.824.454
Người mua trả tiền trước	312		155.218.253.959	141.297.692.947
Thuế phải nộp Nhà nước	313	23(a)	101.286.415.246	61.518.263.658
Phải trả người lao động	314		48.779.548.655	85.096.650.336
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	121.644.800.301	148.220.024.270
Phải trả ngắn hạn khác	319	25	410.265.604.330	213.415.952.496
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	7.652.916.338.970	10.879.859.929.887
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	46.000.749.671	41.477.023.767
Nợ dài hạn	330		3.262.086.697.140	3.465.688.980.878
Phải trả dài hạn khác	337		336.600.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	3.258.074.522.640	3.461.976.547.378
Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	3.675.574.500	3.712.433.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.226.266.967.931	5.151.625.718.925
Vốn chủ sở hữu	410	29	5.226.266.967.931	5.151.625.718.925
Vốn cổ phần	411	30	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(1.615.000.000)	(1.343.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		57.785.400.259	60.509.750.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.161.076.507.179	1.055.058.327.742
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.044.720.251.536	645.824.289.820
- LNST chưa phân phối trong kỳ	421b		116.356.255.643	409.234.037.922
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.533.596.972	35.914.177.106
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.365.428.946.727	21.254.822.061.618

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2019 VND	31/3/2018 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	14.480.029.442.288	15.658.399.375.958
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	23.311.233.667	107.677.807.940
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	14.456.718.208.621	15.550.721.568.018
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	13.068.970.077.235	13.350.342.723.901
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.387.748.131.386	2.200.378.844.117
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	31.841.073.024	27.621.151.986
Chi phí tài chính	22	35	403.740.264.217	402.562.361.419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		382.058.482.066	387.198.191.405
Chi phí bán hàng	25	36	869.076.326.042	969.205.087.374
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	225.858.590.702	337.130.504.692
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(79.085.976.551)	519.102.042.618
Thu nhập khác	31	38	248.553.795.923	25.813.475.559
Chi phí khác	32		21.160.367.318	1.534.739.769
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		227.393.428.605	24.278.735.790
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		148.307.452.054	543.380.778.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	45.297.448.858	98.276.945.138
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	(13.344.552.707)	15.983.209.058
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		116.354.555.903	429.120.624.212

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

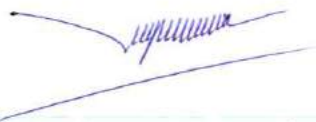
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		116.354.555.903	429.120.624.212
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		116.356.255.643	429.160.893.780
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.699.740)	(40.269.568)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	264	981

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




 Trần Ngọc Chu
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		148.307.452.054	543.380.778.408
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		563.663.248.452	473.457.021.094
Các khoản dự phòng	03		(10.372.155.559)	(30.775.482.104)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.462.942.926)	14.881.932.542
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(148.503.855.833)	(10.348.137.732)
Chi phí lãi vay	06		382.058.482.066	387.198.191.405
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		929.690.228.254	1.377.794.303.613
Biến động các khoản phải thu	09		563.968.475.962	(388.989.941.389)
Biến động hàng tồn kho	10		2.089.785.012.111	(986.244.510.507)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		463.829.956.218	(1.999.967.318.380)
Biến động chi phí trả trước	12		34.132.416.674	(60.431.026.702)
			4.081.406.089.219	(2.057.838.493.365)
Tiền lãi vay đã trả	14		(387.571.569.614)	(383.563.649.902)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(37.920.350.886)	(120.201.299.459)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.153.739.866)	(48.897.038.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.645.760.428.853	(2.610.500.480.973)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		31/3/2019	31/3/2018
	Mã Thuyết số minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(681.396.513.668)	(1.488.171.900.732)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	249.031.159.754	92.357.464.525
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(250.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	46.600.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(11.581.401.220)	(3.672.266.449)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	13.585.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.925.854.947	4.614.370.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(392.670.900.187)	(1.381.287.332.640)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(272.000.000)	(543.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	9.471.649.644.028	17.855.587.251.164
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.803.057.142.060)	(13.914.080.254.476)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(41.862.677.622)	(7.696.158.208)
Tiền trả cổ tức	36	(171.530.900)	(293.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.373.713.706.554)	3.932.974.326.480
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(120.624.177.888)	(58.813.487.133)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	492.079.830.667	292.371.319.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.069.950.259)	(1.848.409.057)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	370.385.702.520	231.709.423.161

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập

 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt

 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 31/3/2019 1/10/2018	
Công ty con (tiếp theo)			
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản	99%	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	95%	-
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản	-	45%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	-	45%

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Tập đoàn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Tập đoàn có 6.416 nhân viên (1/10/2018: 7.062 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.797.674 triệu VND (1/10/2018: 1.837.808 triệu VND). Hơn nữa, trong kỳ, giá cổ phiếu của Công ty giảm từ 11.550 VND/cổ phiếu xuống 8.500 VND/cổ phiếu. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào Tập đoàn có đủ dòng tiền từ các hoạt động cũng như sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính của các tổ chức tín dụng và cổ đông lớn.

Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc để cải thiện tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như tiếp tục tìm thêm các nguồn tài chính cần thiết. Cổ đông lớn của Tập đoàn đã đồng ý tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng các tổ chức tín dụng và cổ đông lớn sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g) (ii).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và các sản phẩm liên quan; Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019			
Doanh thu	9.615.570.388.431	4.841.147.820.190	14.456.718.208.621
Giá vốn	(8.379.458.160.528)	(4.689.511.916.707)	(13.068.970.077.235)
	1.236.112.227.903	151.635.903.483	1.387.748.131.386
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018			
Doanh thu	9.513.591.696.030	6.037.129.871.988	15.550.721.568.018
Giá vốn	(7.890.676.384.099)	(5.459.666.339.802)	(13.350.342.723.901)
	1.622.915.311.931	577.463.532.186	2.200.378.844.117

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Hợp nhất kinh doanh

(a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn

Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn mua lại 54% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn (“Hoa Sen Quy Nhơn”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Quy Nhơn từ 45% lên 99% với giá mua 33.480 triệu VND. Hoạt động chính của Hoa Sen Quy Nhơn là kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản. Trong 4 tháng đến ngày 31 tháng 3 năm 2019, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 1.213 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	678.649.772	-	678.649.772
Các khoản phải thu – ngắn hạn	55.758.779.407	-	55.758.779.407
Tài sản ngắn hạn khác	320.338.282	-	320.338.282
Tài sản dở dang dài hạn	6.835.649.529	-	6.835.649.529
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	63.593.416.990	-	63.593.416.990
Giá trị tài sản thuần mua			34.340.445.175
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			(860.445.175)
Khoản thanh toán cho việc mua lại			33.480.000.000
Khoản cần trừ công nợ			(27.590.000.000)
Khoản tiền thu được			(678.649.772)
Khoản tiền thanh toán thuần			5.211.350.228

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long

Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn mua lại 50% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (“Hoa Sen Du Long”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Du Long từ 45% lên 95% với giá mua 17.350 triệu VND. Hoạt động chính của Hoa Sen Du Long là đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Trong 4 tháng đến ngày 31 tháng 3 năm 2019, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 40 triệu VND lỗ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.949.008	-	5.949.008
Các khoản phải thu – ngắn hạn	291.135.520	-	291.135.520
Hàng tồn kho	6.770.000	-	6.770.000
Tài sản dở dang dài hạn	21.318.139.102	-	21.318.139.102
Nợ phải trả ngắn hạn	(4.439.401.173)	-	(4.439.401.173)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	17.182.592.457	-	17.182.592.457
Giá trị tài sản thuần mua			8.591.296.229
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			8.758.703.771
Khoản thanh toán cho việc mua lại			17.350.000.000
Khoản cần trừ công nợ			(14.574.000.000)
Khoản tiền thu được			(5.949.008)
Khoản tiền thanh toán thuần			2.770.050.992

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát

Mua thêm cổ phần của công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã mua thêm 25% khoản đầu tư trong Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái (“Hoa Sen Yên Bái”) – một công ty con.

Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty con tại ngày mua thêm này được ghi nhận tại giá trị ghi sổ. Khoản chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

	Hoa Sen Yên Bái VND
Tài sản thuần có thể xác định tại ngày mua thêm	119.495.776.747
Phần tài sản thuần mua thêm (Thuyết minh 29)	29.873.944.187
Thay đổi trong lợi nhuận chưa phân phối phát sinh từ việc mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong công ty con bởi Tập đoàn (Thuyết minh 29)	126.055.813
Giá mua	30.000.000.000
Khoản cần trừ công nợ	26.400.000.000
Khoản tiền thanh toán cho việc mua thêm cổ phần	3.600.000.000

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tiền mặt	56.570.026.686	49.171.111.805
Tiền gửi ngân hàng	286.163.152.041	409.373.357.409
Tiền đang chuyển	9.001.918	726.553.560
Các khoản tương đương tiền (*)	27.643.521.875	32.808.807.893
	370.385.702.520	492.079.830.667

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 5% đến 5,5% (1/10/2018: 5%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 6,4% (1/10/2018: 5,3%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị 270 triệu VND (1/10/2018: 270 triệu VND) được cầm cố tại ngân hàng.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (**)	-	46.600.000.000
	16.000.000.000	62.600.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2018: 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1% tại ngày 1 tháng 10 năm 2018. Trong kỳ, trái phiếu đã được thanh lý toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2019				1/10/2018			
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	-	-	-	45%	27.900.000.000	28.616.923.317	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	-	-	-	-	45%	15.615.000.000	7.740.754.684	(*)
						43.515.000.000	36.357.678.001	

Trong kỳ, Tập đoàn tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn từ 45% lên 99% và tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long từ 45% lên 95% (Thuyết minh 7).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	303.105.817.307	1.485.707
Abhay Ispat India Pvt. Ltd	-	184.860.820.705
Các khách hàng khác	1.084.521.443.236	1.465.777.641.113
	1.387.627.260.543	1.650.639.947.525

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2018: 570.000 triệu VND nợ phải thu và 2.300.000 triệu VND nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	303.105.817.307	1.485.707
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen		
Nghệ An	33.000.000	132.000.000
	33.000.000	132.000.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Trả trước cho người bán

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Danieli & C.Officine Meccaniche S.P.A	19.400.893.000	9.646.166.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Sa)	14.397.931.632	49.006.592.130
Các nhà cung cấp khác	112.199.246.755	237.879.496.377
	145.998.071.387	296.532.254.907

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho người lao động	47.059.302.589	28.855.016.820
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	14.928.557.806	15.665.290.474
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.573.882.441	8.524.361.473
Phải thu khác	9.775.202.326	12.633.448.205
	234.799.170.162	175.861.343.972

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	91.550.690.256

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	160.051.956.442	202.093.222.150
Ký quỹ, ký cược dài hạn	276.998.286	276.998.286
	160.328.954.728	202.370.220.436

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	31/3/2019		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	372.566.551.048	-	58.359.200.302	-
Nguyên vật liệu	785.875.033.273	-	3.138.626.504.785	-
Công cụ và dụng cụ	717.244.318.153	-	762.604.260.869	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	17.520.962	-
Thành phẩm	1.877.323.867.097	(24.544.354.039)	2.094.837.111.880	(39.938.971.876)
Hàng hóa	804.891.391.818	(6.158.804.347)	593.241.574.702	(752.734.989)
	4.557.901.161.389	(30.703.158.386)	6.647.686.173.500	(40.691.706.865)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.259.124 triệu VND (1/10/2018: 2.774.903 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 có 674.481 triệu VND thành phẩm và 196.974 triệu VND hàng hóa (1/10/2018: 851.916 triệu VND thành phẩm và 24.239 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	40.691.706.865	26.950.234.865
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.137.077.666	11.624.390.574
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(14.125.626.145)	(6.866.797.011)
Số dư cuối kỳ	30.703.158.386	31.707.828.428

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.061.707.595.837	8.935.015.328.466	476.339.327.088	64.460.717.419	26.259.183.287	11.563.782.152.097
Tăng trong kỳ	33.184.517.772	140.175.273.162	386.233.691	7.769.630.948	-	181.515.655.573
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	106.710.598.410	69.850.892.873	6.962.911.550	332.720.000	-	183.857.122.833
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	71.908.767.763	216.755.866	-	-	72.125.523.629
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(3.773.993.255)	-	-	-	(3.773.993.255)
Phân loại sang chi phí trả trước						
dài hạn	(648.065.313)	(791.123.775)	-	-	-	(1.439.189.088)
Thanh lý	(2.894.040.540)	(62.357.867.433)	(20.823.275.304)	(37.835.000)	(270.606.364)	(86.383.624.641)
Giảm khác	-	(275.027.337)	-	-	(443.964.646)	(718.991.983)
Số dư cuối kỳ	2.198.060.606.166	9.149.752.250.464	463.081.952.891	72.525.233.367	25.544.612.277	11.908.964.655.165
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	455.597.596.643	3.206.820.420.265	186.785.736.619	22.353.261.855	20.554.925.180	3.892.111.940.562
Khấu hao trong kỳ	57.148.222.722	447.125.667.305	25.673.402.356	5.243.489.291	1.255.894.840	536.446.676.514
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	59.590.825.326	54.317.634	-	-	59.645.142.960
Phân loại sang chi phí trả trước						
dài hạn	(98.901.716)	(629.682.624)	-	-	-	(728.584.340)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(2.139.044.777)	-	-	-	(2.139.044.777)
Thanh lý	(2.626.213.129)	(27.345.800.629)	(11.854.539.587)	(37.835.000)	(252.319.411)	(42.116.707.756)
Số dư cuối kỳ	510.020.704.520	3.683.422.384.866	200.658.917.022	27.558.916.146	21.558.500.609	4.443.219.423.163
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.606.109.999.194	5.728.194.908.201	289.553.590.469	42.107.455.564	5.704.258.107	7.671.670.211.535
Số dư cuối kỳ	1.688.039.901.646	5.466.329.865.598	262.423.035.869	44.966.317.221	3.986.111.668	7.465.745.232.002

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 796.868 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/10/2018: 724.651 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.747.512 triệu VND (1/10/2018: 6.375.966 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	145.305.609.552	72.264.862.646	18.636.363.636	236.206.835.834
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(71.908.767.763)	(216.755.866)	-	(72.125.523.629)
Số dư cuối kỳ	73.396.841.789	72.048.106.780	18.636.363.636	164.081.312.205
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	87.619.756.338	8.224.376.030	209.339.975	96.053.472.343
Khấu hao trong kỳ	10.460.839.335	5.910.153.353	929.265.256	17.300.257.944
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(59.590.825.326)	(54.317.634)	-	(59.645.142.960)
Số dư cuối kỳ	38.489.770.347	14.080.211.749	1.138.605.231	53.708.587.327
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	57.685.853.214	64.040.486.616	18.427.023.661	140.153.363.491
Số dư cuối kỳ	34.907.071.442	57.967.895.031	17.497.758.405	110.372.724.878

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	308.177.659.765	46.891.492.615	355.069.152.380
Thanh lý	(60.467.250.000)	-	(60.467.250.000)
Số dư cuối kỳ	247.710.409.765	46.891.492.615	294.601.902.380
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	34.162.595.531	8.090.696.283	42.253.291.814
Khấu hao trong kỳ	1.722.253.117	3.814.708.991	5.536.962.108
Số dư cuối kỳ	35.884.848.648	11.905.405.274	47.790.253.922
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	274.015.064.234	38.800.796.332	312.815.860.566
Số dư cuối kỳ	211.825.561.117	34.986.087.341	246.811.648.458

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.275 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/10/2018: 2.275 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 57.734 triệu VND (1/10/2018: 124.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.512.774.341.255	1.333.535.754.767
Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong kỳ	26.839.374.200	-
Tăng trong kỳ	509.266.785.760	1.324.615.760.554
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.634.948.478	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(183.857.122.833)	(1.556.654.176.249)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.909.860.714)	(8.952.820.477)
Giảm khác (*)	(60.000.000.000)	-
Thanh lý	(476.066.951)	-
Số dư cuối kỳ	1.797.272.399.195	1.092.544.518.595

- (*) Giảm khác thể hiện khoản ứng trước tiền cho người bán để mua quyền sử dụng đất trước đây tại nút giao IC12 xã Minh Quân và xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo số Quyết định số 2014/STNMT-VPĐK ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái được thu hồi lại trong kỳ.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	1.213.529.693.981	980.184.817.070
Chi phí xây dựng nhà máy	329.253.006.251	267.221.030.666
Chi phí xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	202.104.927.514	215.065.609.415
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	10.620.268.068	8.198.877.595
Khác	2.970.431.381	3.309.934.509
Tổng cộng	1.797.272.399.195	1.512.774.341.255

Trong kỳ chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 29.109 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2018: 22.766 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Chi phí tiền thuê	45.061.891.967	25.738.770.696
Chi phí quảng cáo	29.618.329.697	26.546.794.453
Công cụ và dụng cụ	14.715.792.084	22.823.742.673
Trả trước phí bảo hiểm	4.006.990.065	2.346.408.633
Chi phí sửa chữa	3.543.510.146	4.776.883.774
Chi phí tư vấn	2.558.853.010	2.765.970.828
Chi phí khác	9.517.422.337	12.837.488.109
	109.022.789.306	97.836.059.166

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	153.833.034.894	167.262.012.258
Chi phí tiền thuê	91.888.394.833	117.850.134.718
Chi phí san lấp mặt bằng	79.116.308.673	79.954.996.131
Bảng hiệu quảng cáo	50.020.993.874	47.956.945.821
Chi phí sửa chữa	29.711.532.603	38.556.758.182
Chi phí khác	26.519.217.173	24.117.177.006
	431.089.482.050	475.698.024.116

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	475.698.024.116	412.307.081.315
Tăng trong kỳ	72.706.558.460	130.350.706.849
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	710.604.748	1.291.049.858
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.909.860.714	8.952.820.477
Phân bổ trong kỳ	(126.935.565.988)	(100.152.502.882)
Số dư cuối kỳ	431.089.482.050	452.749.155.617

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	36.292.664.846	16.452.678.151
▪ Chi phí phải trả	9.132.148.144	13.990.694.550
▪ Các khoản dự phòng	5.347.656.478	8.472.027.114
▪ Chênh lệch tỷ giá	1.381.041.134	714.348.043
▪ Khác	1.874.302.332	1.053.512.369
	54.027.812.934	40.683.260.227

21. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	8.758.703.771
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong kỳ và số dư cuối kỳ	4.379.351.886
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	4.379.351.885

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/3/2019 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	258.921.987.280	199.152.165.080
Công ty TNHH Hangzhou Cogeneration (Hong Kong)	-	191.161.898.608
Tata Steel Limited	235.285.592.880	-
Các nhà cung cấp khác	846.755.990.364	676.307.760.766
	1.340.963.570.524	1.066.621.824.454

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/3/2019 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	7.998.306.625	4.787.482.661
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	3.909.948.345	5.226.877.644

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã căn trừ VND	Phân loại VND	31/3/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	55.517.778.045	4.081.738.408.619	(634.311.409.221)	(3.403.964.344.590)	-	98.980.432.853
Thuế xuất nhập khẩu	428.139.298	5.377.846.346	(5.500.987.845)	-	-	304.997.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.544.084.523	45.297.448.858	(37.920.350.886)	-	(10.290.577.955)	630.604.540
Thuế thu nhập cá nhân	2.024.109.408	6.188.284.092	(8.579.567.406)	-	1.633.367.748	1.266.193.842
Thuế khác	4.152.384	6.017.437.437	(5.904.501.150)	-	(12.902.459)	104.186.212
	61.518.263.658	4.144.619.425.352	(692.216.816.508)	(3.403.964.344.590)	(8.670.112.666)	101.286.415.246

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2018 VND	Phân loại VND	31/3/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.121.058.199	(10.290.577.955)	19.830.480.244
Thuế thu nhập cá nhân	34.991.658	1.633.367.748	1.668.359.406
Thuế khác	12.902.459	(12.902.459)	-
	30.168.952.316	(8.670.112.666)	21.498.839.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Chi phí dự phòng thuế	52.351.474.257	37.076.242.781
Chi phí lương và thưởng	21.992.522.000	23.755.410.000
Xây dựng cơ bản dở dang	19.479.390.763	19.168.204.030
Chi phí vận chuyển	13.204.724.726	36.448.531.522
Chi phí lãi vay	12.995.575.986	18.508.663.534
Chi phí tiền điện	1.456.392.569	10.652.297.935
Chi phí khác	164.720.000	2.610.674.468
	121.644.800.301	148.220.024.270

25. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	222.980.404.215	136.756.103.216
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	124.413.328.193	25.996.753.725
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.226.494.482	21.763.098.327
Cổ tức phải trả	4.455.946.525	4.627.477.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.409.261.540	6.813.958.570
Phải trả khác	30.780.169.375	17.458.561.233
	410.265.604.330	213.415.952.496

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	305.000.000	895.000.000

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2018	Biến động trong kỳ		31/3/2019
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.112.404.503.735	9.121.577.208.927	(12.304.681.713.122)	6.924.724.559.539
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	695.634.361.360	509.701.133.265	(520.533.335.589)	684.802.159.036
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	71.821.064.792	13.431.233.225	(41.862.677.622)	43.389.620.395
	10.879.859.929.887	9.644.709.575.417	(12.867.077.726.333)	7.652.916.338.970

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.248.250.636.435	2.355.648.043.629
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	955.612.019.039	1.186.079.616.308
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.054.314.381.565	966.390.647.671
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	595.717.855.387	691.858.095.360
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	1.009.100.214.433	1.098.415.797.951
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	408.466.309.431
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	784.110.244.247	1.035.502.713.540
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(v)	USD	453.293.426.538	148.320.106.584
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	VND	30.312.004.580	390.501.383.564
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	USD	248.157.174.728	85.035.839.658
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	181.952.204.925	167.856.828.967
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	138.532.027.601	135.900.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(ix)	VND	107.984.481.354	204.379.110.451
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	(x)	USD	73.489.410.263	-
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	USD	43.898.478.444	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(xii)	VND	-	751.935.188.536
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiii)	VND	-	125.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(xiv)	VND	-	108.024.412.792
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	(xv)	VND	-	105.972.454.533
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài	(xvi)	VND	-	50.117.954.760
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	(xvii)	VND	-	27.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xviii)	VND	-	17.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	(xix)	VND	-	53.000.000.000
			6.924.724.559.539	10.112.404.503.735

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 3.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng và chịu lãi suất năm từ 6,5% đến 6,6% cho khoản vay bằng VND và là 3,8% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: 5,5% cho khoản vay bằng VND và từ 2,7% đến 2,9% cho khoản vay bằng USD).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức là 2.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 6,3% đến 6,6% cho khoản vay bằng VND và từ 3,6% đến 3,7% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: từ 5,3% đến 5,9% cho khoản vay bằng VND và từ 2,7% đến 3% cho khoản vay bằng USD).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức là 2.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng phải thu của khách hàng và chịu lãi suất năm là 6% cho khoản vay bằng VND (1/10/2018: từ 5,5% đến 5,85% cho khoản vay bằng VND và từ 3,5% đến 3,9% cho khoản vay bằng USD).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức là 50 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, được bảo đảm bằng hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 6,44% (1/10/2018: từ 4,5% đến 4,8%).
- (v) Khoản vay này có hạn mức là 500.000 triệu VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 3,6% đến 4,3% (1/10/2018: 3,2%).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức là 1.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 6,4% cho khoản vay bằng VND và là 3,7% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: từ 5,5% đến 5,9% cho khoản vay bằng VND và 2,9% cho khoản vay bằng USD).
- (vii) Khoản vay này có hạn mức là 6,003 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 6% đến 6,35% (1/10/2018: từ 4,2% đến 4,5%).
- (viii) Khoản vay này có hạn mức là 6 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 5% đến 5,9% (1/10/2018: 5%).
- (ix) Khoản vay này có hạn mức là 300.000 triệu VND, được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là từ 6,6% đến 7% (1/10/2018: 5,5%).
- (x) Khoản vay này có hạn mức là 300.000 triệu VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 5,2%.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức là 6,6 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 4%.
- (xii) Khoản vay này được bảo đảm bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 5,5%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xiii) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 5,6%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xiv) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và quyền sử dụng đất và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 6,5%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (xv) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 3%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xvi) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho, phải thu ngắn hạn của khách hàng và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 5,8%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xvii) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 5,1% đến 5,5%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xviii) Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 5,61%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xix) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 5%.

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Vay dài hạn	3.934.585.393.090	4.135.888.386.927
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	51.680.908.981	93.543.586.603
	3.986.266.302.071	4.229.431.973.530
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(728.191.779.431)	(767.455.426.152)
	3.258.074.522.640	3.461.976.547.378
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2026	2.888.290.066.108	3.035.984.375.157
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	2019 – 2023	463.240.862.940	467.130.861.014
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(iii)	VND	2024	330.863.669.442	302.181.929.656
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(iv)	VND	2025 – 2026	150.350.691.493	170.186.219.162
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	2021	91.698.267.607	110.037.921.129
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(vi)	VND	2020	5.838.286.000	9.396.578.000
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	(vii)	VND	2019	4.303.549.500	9.291.229.500
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	2019	-	27.083.333.345
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	(ix)	VND	2019	-	3.381.044.964
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài	(x)	VND	2019	-	1.214.895.000
				3.934.585.393.090	4.135.888.386.927

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% (1/10/2018: từ 8,3 đến 9%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 8% đến 9% (1/10/2018: từ 8% đến 8,6%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 8,95% đến 9,025% (1/10/2018: 8,95%).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 9% đến 10% (1/10/2018: từ 9% đến 10%).
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% (1/10/2018: 8,8%).
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 9,9% đến 12,02% (1/10/2018: 8,7%).
- (vii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 10% (1/10/2018: 9%).
- (viii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 4,45% đến 8,39%). Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (ix) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 8%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (x) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 8% đến 8,8%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/3/2019		1/10/2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	45.819.876.837	2.430.256.442	76.968.318.611	5.147.253.819
Trong vòng hai đến năm năm	8.782.716.920	491.428.334	22.839.973.936	1.117.452.125
	54.602.593.757	2.921.684.776	99.808.292.547	6.264.705.944
				93.543.586.603

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	41.477.023.767	61.294.232.467
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 29)	4.092.340.379	53.266.556.487
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết của năm trước	1.713.405.525	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.282.020.000)	(37.168.033.918)
Số dư cuối kỳ	46.000.749.671	77.392.755.036

28. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.712.433.500	4.946.315.250
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	402.784.125
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(8.859.000)	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(28.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	3.675.574.500	5.349.099.375

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.446.534.555.355	37.181.622.614	5.169.801.932.685
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	429.160.893.780	(40.269.568)	429.120.624.212
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(543.000.000)	-	-	-	(543.000.000)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	-	(53.266.556.487)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(11.729.004.329)	-	-	(11.729.004.329)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018	3.499.966.830.000	151.583.183.521	(543.000.000)	70.356.612.914	1.774.879.016.600	37.141.353.046	5.533.383.996.081
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(19.926.855.858)	(28.067.415)	(19.954.923.273)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	349.936.450.000	-	-	-	(349.936.450.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(800.000.000)	-	-	-	(800.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(349.957.383.000)	-	(349.957.383.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(9.846.862.358)	-	-	(9.846.862.358)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(1.199.108.525)	(1.199.108.525)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.055.058.327.742	35.914.177.106	5.151.625.718.925

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.055.058.327.742	35.914.177.106	5.151.625.718.925
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	116.356.255.643	(1.699.740)	116.354.555.903
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(272.000.000)	-	-	-	(272.000.000)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.092.340.379)	-	(4.092.340.379)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(8.862.860.866)	-	-	(8.862.860.866)
Tăng do tăng tỷ lệ sở hữu từ công ty liên kết	-	-	-	-	18.830.555	1.495.063.793	1.513.894.348
Thành công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(126.055.813)	(29.873.944.187)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.615.000.000)	57.785.400.259	1.161.076.507.179	7.533.596.972	5.226.266.967.931

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, Công ty đã trích lập 1,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2019		1/10/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	384.990.328	3.849.903.280.000	384.990.328	3.849.903.280.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	161.500	1.615.000.000	134.300	1.343.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	384.828.828	3.848.288.280.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	31/3/2019		31/3/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	384.856.028	3.848.560.280.000	349.996.683	3.499.966.830.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(27.200)	(272.000.000)	(54.300)	(543.000.000)
Số dư cuối kỳ	384.828.828	3.848.288.280.000	349.942.383	3.499.423.830.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	170.622.366.581	127.001.614.095
Trong vòng hai đến năm năm	613.712.648.504	464.341.637.708
Trên năm năm	795.548.546.761	690.309.362.270
	1.579.883.561.846	1.281.652.614.073

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2019		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.015.773	116.122.259.663	1.340.199	30.779.446.552
EUR	-	-	229	6.193.888
AUD	1	8.772	1	8.974
		116.122.268.435		30.785.649.414

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	537.327.234.907	960.466.484.424

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	7.902.901.038.269	8.322.932.701.127
▪ Bán hàng hóa	6.520.351.961.362	7.291.373.665.967
▪ Khác	56.776.442.657	44.093.008.864
	14.480.029.442.288	15.658.399.375.958
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	13.736.861.641	93.822.748.933
▪ Giảm giá hàng bán	2.654.125.105	1.800.789.904
▪ Hàng bán bị trả lại	6.920.246.921	12.054.269.103
	23.311.233.667	107.677.807.940
Doanh thu thuần	14.456.718.208.621	15.550.721.568.018

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	6.892.962.996.666	6.698.522.477.188
▪ Hàng hóa đã bán	6.176.630.524.586	6.614.439.399.157
▪ Khác	9.365.104.462	32.623.253.993
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.988.548.479)	4.757.593.563
	13.068.970.077.235	13.350.342.723.901

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	815.927.893	830.272.167
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	4.109.927.054	3.784.097.849
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.450.289.057	23.006.781.970
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.462.942.926	-
Doanh thu tài chính khác	1.986.094	-
	31.841.073.024	27.621.151.986

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	382.058.482.066	387.198.191.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.448.581.323	33.950.960.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	14.881.932.542
Lỗ từ thanh lý đầu tư	-	1.989.311.825
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(35.933.075.667)
Chi phí tài chính khác	233.200.828	475.041.218
	403.740.264.217	402.562.361.419

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	249.568.313.648	279.528.223.900
Chi phí xuất khẩu	227.636.328.643	231.688.862.697
Chi phí vận chuyển	80.777.891.737	145.064.507.675
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.335.585.850	61.426.596.478
Chi phí thuê	69.166.214.281	49.472.479.403
Chi phí quảng cáo	49.983.224.535	49.860.897.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.960.214.384	45.820.244.159
Chi phí khác	78.648.552.964	106.343.275.382
	869.076.326.042	969.205.087.374

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
	(Đã phân loại lại)	
Chi phí nhân viên	93.269.933.091	163.846.437.189
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.032.992.834	27.282.933.287
Chi phí thuê	19.967.685.953	18.457.582.726
Chi phí tiếp khách	7.052.798.930	12.732.083.253
Chi phí dịch vụ chuyên môn	5.176.589.008	6.384.718.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.085.607.288	50.936.479.393
Chi phí khác	31.272.983.598	57.490.270.810
	225.858.590.702	337.130.504.692

38. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	143.578.000.886	7.723.079.541
Tiền bồi thường thu được	4.741.127.663	11.923.197.562
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	860.445.175	-
Các khoản khác	99.374.222.199	6.167.198.456
	248.553.795.923	25.813.475.559

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	11.635.543.312.039	13.240.314.260.690
Chi phí nhân công và nhân viên	470.698.960.808	632.751.879.561
Chi phí khấu hao và phân bổ	563.663.248.452	473.457.021.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.702.817.414	1.109.569.642.884
Chi phí khác	425.167.047.393	697.108.050.999

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	54.399.032.976	98.276.945.138
Dự phòng thừa trong những năm trước	(9.101.584.118)	-
	45.297.448.858	98.276.945.138
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(13.344.552.707)	15.983.209.058
	31.952.896.151	114.260.154.196

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.307.452.054	543.380.778.408
Thuế theo thuế suất của Công ty	29.661.490.411	108.676.155.681
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	1.433.500.916	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.586.378.193	9.176.423.283
Ưu đãi thuế	(8.547.956.418)	(21.266.222.856)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	14.811.951.400	18.065.689.642
Dự phòng thừa trong những năm trước	(9.101.584.118)	-
Điều chỉnh khác	(890.884.233)	(391.891.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.952.896.151	114.260.154.196

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 Số cổ phiếu	31/3/2018 Số cổ phiếu Được điều chỉnh lại (**)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	384.856.028	349.996.683
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ	(13.230)	(39.300)
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 31 tháng 3 năm 2018	-	34.993.645
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày kết thúc kỳ (Thuyết minh 45) (**)	38.479.161	34.994.238
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	423.321.959	419.945.266

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND Được điều chỉnh lại (**)	31/3/2018 VND Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	264	981	1.177

(**) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ. Trong đó ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 31 tháng 3 năm 2018 làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu từ 1.177 VND/cổ phiếu xuống 1.070 VND/cổ phiếu và ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 31 tháng 3 năm 2019 làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu từ 1.070 VND/cổ phiếu xuống 981 VND/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.512.166.884.861	2.824.742.627.509
Mua hàng hóa và thành phẩm	428.285.599.631	1.303.333.328.091
Doanh thu cho thuê tài sản	2.889.246.522	819.590.909
Bán khác	2.848.802.937	596.413.684
Bán tài sản cố định	33.380.244.272	31.542.647.555
Mua tài sản cố định	124.733.458.000	212.727.272
Mua công cụ, dụng cụ	28.620.455.838	-
Chiết khấu thương mại	1.080.149.746	31.578.990.241
Phí vận chuyển	16.778.748.763	24.839.317.629
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Phí vận chuyển	20.675.612.661	37.591.617.790
Doanh thu cho thuê tài sản	180.000.000	180.000.000
Các bên liên quan khác		
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.951.476.400	10.281.821.204
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.170.000.000	1.100.000.000

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chuyển đổi công nợ phải thu để tăng tỷ lệ sở hữu	68.564.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

44. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 và trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		31/3/2018 VND (đã phân loại lại)	31/3/2018 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	25	969.205.087.374	856.676.395.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	337.130.504.692	449.659.196.117

45. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, vào ngày 6 tháng 5 năm 2019, Công ty công bố một khoản cổ tức là 384.792 triệu VND được chi trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Ngoài việc ảnh hưởng đến việc tính toán và thuyết minh lãi cơ bản trên cổ phiếu (Thuyết minh 41), số cổ tức chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 5 năm 2019 cập nhật việc tăng vốn này.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
thường trực – điều hành